

Số: 92 /TB-HĐKTSH

Quảng Trách, ngày 17 tháng 9 năm 2018

THÔNG BÁO

Niêm yết kết quả điểm xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Quảng Trách, năm 2018

Thực hiện Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND huyện Quảng Trách về việc ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp huyện Quảng Trách, năm 2018; Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 6/8/2018 của UBND huyện Quảng Trách về việc thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp huyện Quảng Trách, năm 2018;

Ngày 24/8/2018, Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã tổ chức quy trình tuyển dụng theo đúng quy định của pháp luật. Nay, Hội đồng kiểm tra, sát hạch thông báo niêm yết công khai kết quả xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp tại trụ sở làm việc của UBND huyện Quảng Trách, phòng Nội vụ huyện và đăng tải trên trang thông tin điện tử của huyện Quảng Trách tại địa chỉ <https://quangtrach.quangbinh.gov.vn> kể từ ngày 17/9/2018 đến hết ngày 28/9/2018.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch thông báo để các thí sinh được biết và truy cập địa chỉ nêu trên để biết kết quả xét tuyển. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo công khai kết quả xét tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả điểm xét tuyển bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) để được xem xét, giải quyết theo quy định. Sau 17 giờ 30 phút, ngày 28/9/2018, Hội đồng kiểm tra, sát hạch không nhận đơn đề nghị phúc khảo và tiến hành các bước tiếp theo trong tuyển dụng.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch viên chức các đơn vị sự nghiệp huyện Quảng Trách, năm 2018 thông báo để người dự tuyển, các cơ quan, đơn vị liên quan được biết.

Nơi nhận:

- CT UBND huyện(để B/c);
- Các thí sinh dự xét tuyển;
- VP HĐND&UBND(đăng Website);
- Lưu: Hồ sơ HĐKT,SH.

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Hoàng Anh

**DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH THAM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND HUYỆN QUẢNG TRẠCH, NĂM 2018**
(Kèm theo Thông báo số: 92 /TB-HĐKTSH ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng kiểm tra, sát hạch)

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên ngành				
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	01	DS-15	Trần Thị Hoài	Hương	3/5/1990	Trung cấp Y sỹ Đa khoa	Quảng Kim, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	6,8	68	6,0	60				71,0	44,0	230	358,0		
2	02	DS-15	Đàm Thị Thanh	Loan	20/2/1989	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã					7,24	72,4	144,8	50,0	45,0	190	334,8		
3	03	DS-15	Phạm Thị Ngọc	Anh	20/10/1994	TC Y sỹ đa khoa	Quảng Hưng, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7,1	71	7,0	70				10,0	20,0	60	201,0		
4	04	DS-15	Đàm Thị Thùy	Trang	10/30/1992	Trung cấp Y sỹ Đa khoa	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	6,9	69	7,7	77				92,0	92,0	368	514,0	x	
5	05	DS-15	Võ Thị Ngân	Huệ	7/11/1991	Trung cấp Điều dưỡng	Quảng Phú, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7,4	74	8,7	87				61,0	31,0	184	345,0		
6	06	DS-15	Phan Thị	Lý	1/3/1992	Trung cấp Điều dưỡng	Quảng Kim, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7,2	72	8,2	82				5,0	70,0	150	304,0		
7	07	DS-15	Hoàng Thị	Phương	3/2/1994	Cao đẳng Y tế Điều dưỡng	Quảng Tiên, Ba Đồn	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7,4	74	8,5	85				91,0	91,0	364	523,4	x	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên ngành				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
8	08	DS-15	Nguyễn Thị Thùy Linh	18/2/1992	Trung cấp Điều dưỡng	Cánh hóa, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	6,8	68	6.3	63				50.0	6.0	112	243.0		
9	09	DS-15	Trần Thị Huyền	1/1/1990	Cao đẳng Điều dưỡng	Quảng Trường, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7,96	79.6	9.33	93.3				61.0	48.0	218	390.9		
10	10	DS-15	Phan Thị Quỳnh Như	27/2/1990	Trung cấp y sỹ	Quảng Phương, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	8,3	83	8.3	83				90.0	90.0	360	526.0	x	
11	11	DS-15	Tạ Quang Dũng	15/3/1994	TC Y sỹ, y học cổ truyền	Ba Đồn, Quảng Bình	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7.5	75	7.3	73				91.0	91.0	364	512.0	x	
12	12	DS-15	Nguyễn Thị Hằng	11/8/1993	Trung cấp Y sỹ đa khoa	Quảng Thạch, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã	7.4	74	8.2	82				11.0	49.0	120	276.0		
13	13	DS-15	Nguyễn Thị Kim Huệ	10/8/1987	CN Công tác xã hội	Quảng Thạch, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã					7,91	79.1	158.2	21.0	41.0	124	282.2		
14	14	DS-16	Cao Thị Minh Nguyệt	20/10/1993	Trung cấp Điều dưỡng	Bố Trạch, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực Kế hoạch hóa gia đình tại TT - Dân số KHHGD huyện	6,9	69	5.5	55				70.0	70.0	280	404.0	x	
15	15	KN-17	Trần Hào Quang	8/18/1993	Kỹ sư khoa học cây trồng	Quảng Phương, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực trồng trọt tại Trạm Khuyến nông huyện					7,99	79.9	159.8	95.0	95.0	380	539.8	x	
16	16	KN-17	Cao Thế Cảnh	23/9/1988	Thạc sỹ Khoa học cây trồng	Mính Hóa, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực trồng trọt tại Trạm Khuyến nông huyện	8.44	84.4	8.76	87.6				62.5	80.0	285	457.0		

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
17	17	KN-18	Phan Thế Sơn	10/24/1989	Đại học Quản trị kinh doanh	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực quản lý, theo dõi, hướng dẫn các mô hình tại Trạm Khuyến nông					7.48	74.8	149.6	70	67.5	275	424.6	X	
18	18	QĐ-19	Trần Tuấn	9/2/1990	Kỹ sư Kỹ thuật Dầu khí	Ba Đồn, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực quản lý đất đã được GPMB, quỹ đất đã nhận chuyển nhượng, đã tạo lập, xây dựng để phục vụ TĐC và thu hồi theo quy định tại TTPHQĐ huyện					7,16	71.6	143.2	82.5	85	335	478.2	X	
19	19	QĐ-20	Trần Việt Khánh	4/17/1990	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quảng Thọ, Ba Đồn	Phụ trách lĩnh vực lập phương án sử dụng quỹ đất đã được giao quản lý và phương án, đề án, dự án đầu tư tạo lập và PTQĐ tại TTPHQĐ huyện					7.16	71.6	143.2	60.5	80.0	281	424.2		
20	20	QĐ-20	Hoàng Văn Huệ	26/8/1987	Kỹ sư xây dựng công nghiệp	Quảng Kim, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực lập phương án sử dụng quỹ đất đã được giao quản lý và phương án, đề án, dự án đầu tư tạo lập và PTQĐ tại TTPHQĐ huyện	5,83	58.3	7.5	75				97.5	91.0	377	510.3	X	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành				
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
21	21	QĐ-21	Lê Hải	Anh	7/6/1996	Cử nhân Luật	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực cung cấp thông tin về địa điểm môi trường đầu tư quỹ đất, giá đất cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu tại TTPTQĐ huyện					7,04	70.4	140.8	10	7.5	35	175.8		
22	22	QĐ-21	Võ Hoàng	Việt	8/20/1991	Cao đẳng kỹ thuật công nghệ môi trường	Quảng Phú, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực cung cấp thông tin về địa điểm môi trường đầu tư quỹ đất, giá đất cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu tại TTPTQĐ huyện	7.12	71.2	8.0	80				94	94.5	377	528.2	x	
23	23	QĐ-22	Lê Thị Quỳnh	Trang	26/10/1996	Cử nhân Luật	Quảng Hưng, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực tổ chức ĐTXD kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá tại TTPTQĐ huyện					8,15	81.5	163	91.5	80	343	506.0		
24	24	QĐ-22	Võ Thị Thu	Hường	12/10/1996	Cử nhân Luật	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực tổ chức ĐTXD kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá tại TTPTQĐ huyện					8,27	82.7	165.4	94.5	95.5	380	545.4	x	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
25	25	QB-22	Lý Hồng Tam	7/27/1990	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quảng Ninh, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực tổ chức ĐTXD kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá tại TTPTQĐ huyện					7,71	77.1	154.2	93.0	92.0	370	524.2		
26	26	QB-23	Ngô Hữu Tiến	12/28/1988	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Quảng Thanh, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					6.51	65.1	130.2	92.5	92.0	369	499.2		
27	27	QB-23	Đỗ Nhật Danh	25/10/1986	KS Kỹ thuật xây dựng CT	Ba Đồn, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					5.89	58.9	117.8	83.0	93.5	353	470.8		
28	28	QB-23	Nguyễn Thị Minh Hồng	02/6/1995	Cử nhân Luật	Minh Hóa, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					7,6	76	152	92.0	93.5	371	523.0		
29	29	QB-23	Trịnh Thị Nhật Lệ	3/12/1996	Cử nhân Luật	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					8,37	83.7	167.4	96.0	95.5	383	550.4	x	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên ngành				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
30	30	QĐ-24	Cao Ngọc Thành	3/5/1994	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Đồng Hới, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực quản lý dự án các công trình, dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					7,03	70.3	140.6	40.0	20.0	120	260.6		
31	31	QĐ-24	Nguyễn Văn Thắng	4/10/1992	Kỹ sư Quản lý Đất đai	Quảng Hưng, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực quản lý dự án các công trình, dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					8,17	81.7	163.4	95.5	96.0	383	546.4	x	
32	32	QĐ-24	Trần Xuân Nam	2/5/1996	CN Luật Kinh tế	Quảng Liên, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực quản lý dự án các công trình, dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					7,81	78.1	156.2	96.5	97.5	388	544.2		
33	33	QĐ-25	Võ Quý Hòa	3/22/1993	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Thẩm định giá tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện					7,75	77.5	155	0	0	0	155.0		
34	34	QĐ-25	Nguyễn Hương Lý	10/20/1993	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Quảng Thọ, Ba Đồn	Thẩm định giá tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện					6,78	67.8	135.6	84.5	15.5	200	335.6		
35	35	QĐ-25	Trần Thị Thu Thủy	23/08/1991	CN Tài chính- Ngân hàng	Quảng Thuận, Ba Đồn	Thẩm định giá tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	7.01	70.1	6.0	60			155	93	96	378	508.1	x	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
36	36	QĐ-25	Trần Thị Thanh Hằng	1/6/1995	CN Kế toán	Quảng Liên, Quảng Trạch	Thẩm định giá tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện					7.57	75.7	151.4	82.5	0	165	316.4		
37	37	ĐT-26	Trịnh Ngọc Minh Phương	10/7/1989	CN Công nghệ thông tin	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Kỹ thuật viên kiểm phóng viên, quay phim Đài TT-TH huyện QT					7.18	71.8	143.6	67.5	92.5	320	463.6	X	
38	38	ĐT-26	Trần Anh Tố	10/16/1990	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	Quảng Thanh, Quảng Trạch	Kỹ thuật viên kiểm phóng viên, quay phim Đài TT-TH huyện QT					7.76	77.6	155.2	80	92.5	345	500.2	X	
39	39	ĐT-26	Lê Hữu Hoàng	12/20/1988	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Kỹ thuật viên kiểm phóng viên, quay phim Đài TT-TH huyện QT	6.4	64	8.0	80				90	90	360	504	X	
40	40	ĐT-27	Nguyễn Thị Hà Ny	6/1/1992	Cử nhân Triết học	Quảng Lộc, Ba Đồn	Phóng viên kiêm phát thanh viên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện					7.8	78	156	85	70	310	466.0	X	
41	41	ĐT-27	Trần Võ Mỹ Hiền	01/4/1989	Cử nhân Viết văn	Ba Đồn, Quảng Bình	Phóng viên kiêm phát thanh viên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện	6.83	68.3	8.5	85				82.5	87.5	340	493.3	X	
42	42	PH-36	Nguyễn Thị Lan Oanh	09/3/1994	Cử nhân Luật	Quảng Phong, Ba Đồn	Phụ trách công tác Văn phòng tại BQL Rừng phòng hộ huyện					7.25	72.5	145	92.5	72.5	330	475.0	X	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành				
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
43	43	VH-29	Đặng Văn	Chương	2/2/1986	DH Ngành xã hội học	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách văn hóa, TDTT cơ sở, tuyên truyền lưu động tại TTVHTTT huyện					6.3	63	126	90	80	340	466.0	X	
44	44	VH-30	Phạm Quang	Lãng	10/11/1991	CN hành chính học	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách Thư viện, bảo quản sách báo, kiêm âm thanh ánh sáng sân khấu tại TTVHTTT huyện	6.7	67	6.5	65				90	79	338	470	X	
45	45	DN-31	Trần Vũ	Như	12/10/1992	Cử nhân Công nghệ thông tin	Quảng Thanh, Quảng Trạch	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDDN huyện					7.76	77.6	155.2	81.5	84.5	332	487.2	X	
46	46	DN-31	Nguyễn Văn	Ân	8/10/1992	Cử nhân Kế toán	Quảng Lộc, Ba Đồn	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDDN huyện	6.14	61.4	6.7	66.7				71	59.5	261	389.1	X	
47	47	DN-31	Chu Ngọc	Khánh	10/24/1989	Cử nhân Kế toán	Quảng Kim, Quảng Trạch	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDDN huyện					6.87	68.7	137.4	61	64.5	251	388.4	X	
48	48	DN-31	Trần Thị Tuyết	Nga	2/9/1986	Đại học Kinh tế	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDDN huyện	6.96	69.6	7.3	73				94	94.5	377	519.6	X	
49	49	ND-32	Nguyễn Thị	An	1/2/1995	ĐHSP Ngữ văn	Quảng Phương, Quảng Trạch	Giáo viên Ngữ văn tại TTGD Dạy nghề huyện					8.65	86.5	173	93.5	93.5	374	547.0	X	
50	50	DN - 32	Lê Thị Minh	Hằng	2/28/1992	Cử nhân Văn học	Quảng Ninh, Quảng Bình	Giáo viên Ngữ văn tại TTGD Dạy nghề huyện					7.35	73.5	147	97.5	97	389	536.0		

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú			
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên ngành							
1	2	3	4		5	6	7	8				9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
51	51	CC-33	Nguyễn Việt	Anh	7/24/1990	Đại học Kế toán	Quảng Liên, Quảng Trạch	Kế toán viên tại Ban Quản lý các công trình công cộng	6.4	64	7.5	75							98	97.5	391	530	X	
52	52	CC-33	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	4/20/1991	Cử nhân Kế toán	Bố Trạch, Quảng Bình	Kế toán viên tại Ban Quản lý các công trình công cộng					7.37	73.7	147.4				0	0	147.4			Vắng khung thi
53	53	CC-33	Đỗ Thị Sương	Sương	5/15/1996	Cử nhân Kế toán	ĐakRông, Quảng Trị	Kế toán viên tại Ban Quản lý các công trình công cộng					6.43	64.3	128.6				0	0	128.6			Vắng khung thi
54	54	CC-33	Trương Thị Thanh	Thùy	25/6/1991	ĐH Kế toán	Quảng Thuận, Ba Đồn	Kế toán viên tại Ban Quản lý các công trình công cộng					8.16	81.6	163.2	50.5	74	249	412.2					
55	55	CC-34	Dương Thái	Hoàng	08/6/1989	Cử nhân Luật	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Văn phòng tại BQL CCT CC	6.23	62.3	6.5	65						90	90	360	487.3	X		
56	56	CC-35	Đoàn Thị Hồng	Miên	29/7/1987	Kỹ sư Công nghệ môi trường	Quảng Thọ, Ba Đồn	Phụ trách lĩnh vực Vệ sinh môi trường, quản lý vận hành BCL rác tại BQL CCT CC	6.4	64	6.6	66						65	57.5	245	375	X		
57	57	ODA- 37	Phan Minh	Công	7/2/1990	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quảng Tân, Ba Đồn	Phụ trách giám sát, kiểm tra, theo dõi, thẩm định các công trình, CDB tại Ban quản lý DA ODA					6.84	68.4	136.8	50	62.5	225	361.8					

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
58	58	ODA-37	Trần Bình An	06/8/1992	Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng	Ba Đồn, Quảng Bình	Phụ trách giám sát, kiểm tra, theo dõi, thẩm định các công trình, CĐB tại Ban quản lý DA ODA					5.62	56.2	112.4	70	0	140	252.4		
59	59	ODA-37	Nguyễn Quốc Hưng	12/2/1990	Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng	Quảng Thuận, Ba Đồn	Phụ trách Giám sát, kiểm tra, theo dõi, thẩm định các công trình giao thông, CĐB tại Ban quản lý DA ODA					5.77	57.7	115.4	92.5	90	365	480.4	x	

Danh sách này gồm có 59 người./.

Quảng Trạch, ngày 17 tháng 9 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Hoàng Anh